

PHÂN TÍCH CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN KHẢ NĂNG SINH LỜI CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI NIÊM YẾT TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Hoàng Thị Thu

Tóm tắt

Nghiên cứu này đánh giá tác động của các nhân tố thuộc về ngân hàng, ngành và kinh tế vĩ mô đến khả năng sinh lời của các ngân hàng thương mại (NHTM) niêm yết trên thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam giai đoạn 2016-2019 thông qua sử dụng mô hình hồi quy tuyến tính. Kết quả nghiên cứu cho thấy quy mô hoạt động, chi phí hoạt động và số lượng giao dịch trên TTCK của mỗi NHTM và lạm phát của nền kinh tế có tác động cùng chiều với khả năng sinh lời của các NHTM niêm yết trên TTCK Việt Nam. Những yếu tố có tác động ngược chiều với khả năng sinh lời của các NHTM niêm yết trên TTCK Việt Nam là dư nợ cho vay, vốn của NHTM và hình thức sở hữu NHTM. Từ thực trạng nghiên cứu, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao khả năng sinh lời của các NHTM cổ phần niêm yết trên TTCK Việt Nam trong thời gian tới.

Từ khóa: yếu tố tác động, khả năng sinh lời, ngân hàng thương mại, niêm yết, thị trường chứng khoán.

ANALYSIS OF FACTORS AFFECTING PROFITABILITY OF LISTED COMMERCIAL BANKS ON VIETNAM STOCK MARKET

Abstract

This study assesses the impact of factors from banks, industries and macroeconomics on the profitability of commercial banks listed on Vietnam stock market in 2016 - 2019 through linear regression models. The research results show that the scale of operations, operating cost and the number of transactions on the stock market of each commercial bank, and the inflation of the economy have positive impacts on the profitability of commercial banks listed on Vietnam stock market. Factors that have negative impacts on the profitability of commercial banks listed on Vietnam stock market are loans, equity, and ownership of commercial banks. From these findings, the article proposes a number of solutions to improve the profitability of joint stock commercial banks listed on Vietnam stock market in the coming time.

Keywords: Impact factors, profitability, commercial bank, listed, stock market.

JEL classification: G, G21, G24.

1. Đặt vấn đề

Ngân hàng thương mại được coi là hệ thống tuần hoàn của nền kinh tế từng quốc gia và toàn cầu. Mặc dù không trực tiếp tạo ra của cải vật chất cho nền kinh tế, NHTM cung cấp những dịch vụ tiện ích phục vụ nhu cầu thiết yếu cho các tổ chức, cá nhân như cung ứng tiền tệ, tín dụng và thanh toán cho nền kinh tế nhằm góp phần thúc đẩy sự phát triển và tăng trưởng của nền kinh tế. Với mục tiêu là tăng khả năng sinh lời của mình, các NHTM cổ phần luôn cố gắng để các chứng khoán của ngân hàng mình có đủ tiêu chuẩn vào đăng ký và giao dịch tại thị trường giao dịch chứng khoán tập trung. Việc niêm yết được các chứng khoán trên sàn giao dịch sẽ giúp cho các NHTM huy động được lượng vốn lớn khi có nhu cầu, nâng cao tính thanh khoản cho cổ phiếu và tăng uy tín của ngân hàng với các tổ chức tài chính, từ đó tạo ra tăng trưởng nội tại cho ngân hàng đó. Tăng khả năng sinh lời của các NHTM sẽ giúp các NHTM tối đa hóa lợi nhuận và tối đa hóa giá trị ngân hàng.

Theo Công thông tin tài chính trực tuyến Vietstock, tính đến 31/12/2019, Việt Nam có 13 NHTM cổ phần trong hệ thống các NHTM của Việt Nam đang niêm yết trên 2 sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Trong

bối cảnh nền kinh tế nói chung và hoạt động của các doanh nghiệp nói riêng còn nhiều khó khăn, các NHTM cổ phần đang niêm yết trên TTCK Việt Nam đã bám sát chỉ đạo của các cơ quan quản lý, linh hoạt ứng phó với diễn biến của thị trường, sáng tạo, vận dụng nguồn lực tổng hợp để đạt được những kết quả tích cực, khẳng định vị trí, vai trò của một loại hình định chế tài chính hàng đầu.

Nghiên cứu này được thực hiện với mong muốn tìm hiểu các yếu tố tác động đến khả năng sinh lời của các NHTM đang niêm yết trên TTCK Việt Nam trong giai đoạn 2016-2019. Việc nhận dạng được nhân tố nào làm gia tăng khả năng sinh lời, nhân tố nào tác động ngược chiều đến khả năng sinh lời của các NHTM này giúp cho lãnh đạo ngân hàng tránh được những nhận định sai lầm về hiệu quả hoạt động kinh doanh, từ đó có những chiến lược, kế hoạch kinh doanh thích hợp.

2. Mô hình nghiên cứu các yếu tố tác động đến khả năng sinh lời của NHTM đang niêm yết trên TTCK Việt Nam

2.1. Tổng quan tài liệu về các yếu tố tác động đến khả năng sinh lời của NHTM

Khả năng sinh lời của các NHTM là kết quả của việc sử dụng tập hợp các tài sản vật chất và tài sản tài chính, tức là vốn kinh tế mà NHTM nắm

giữ để tạo ra lợi nhuận. Theo Nguyễn Minh Kiều (2012), khả năng sinh lời của các NHTM có thể được đo lường thông qua các chỉ số tài chính khác nhau nhưng thông thường được đo bởi Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA) và tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE).

Khả năng sinh lời là một trong những chỉ báo quan trọng về sự tồn tại và phát triển bền vững của NHTM, do vậy có khá nhiều nghiên cứu về các nhân tố tác động đến khả năng sinh lời của NHTM. Trong các nghiên cứu tiêu biểu về các NHTM tại các quốc gia đang phát triển gần đây về các yếu tố tác động đến khả năng sinh lời của NHTM như Jafari (2014), Osuagwu (2014), Sufian (2009), Sufian and Habibullah (2009), Topak and Talu (2016), Hồ Thị Hồng Minh và Nguyễn Thị Cành (2015), Nguyễn Phạm Nhã Trúc và Nguyễn Phạm Thiên Thanh (2016), các nghiên cứu đều thừa nhận rằng những yếu tố chính thuộc bản thân ngân hàng (như quy mô ngân hàng, chi phí hoạt động, dư nợ vốn vay, vốn của chủ sở hữu, ...) và các yếu tố vĩ mô (lạm phát, tăng trưởng kinh tế...) có thể tác động đến khả năng sinh lời của các NHTM.

Quy mô ngân hàng: Để đảm bảo hoạt động, NHTM sử dụng đồng thời nhiều nguồn vốn khác nhau như vốn huy động, vốn vay, vốn chủ sở hữu... Trong đó, vốn chủ sở hữu tuy chiếm tỷ trọng nhỏ nhưng lại đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong hoạt động của NHTM. Đây là nguồn vốn ổn định nhất và có xu hướng tăng trong quá trình hoạt động, có thể sử dụng với kỳ hạn dài mà không phải hoàn trả, do đó nó chính là nền tảng cho sự tăng trưởng bền vững của NHTM. Hơn nữa, vốn chủ sở hữu còn quyết định quy mô hoạt động của ngân hàng, bởi đây là căn cứ để xác định các giới hạn hoạt động như giới hạn huy động vốn, giới hạn cho vay, giới hạn đầu tư vào tài sản cố định... Đồng thời, vốn chủ sở hữu sẽ tạo uy tín và duy trì niềm tin của công chúng đối với ngân hàng.

Chi phí hoạt động trên tổng tài sản: Chi phí hoạt động gồm chi lương, bảo hiểm, các khoản phí (điện nước, bưu điện...), chi phí văn phòng, khấu hao, trích lập dự phòng, tiền thuê, quảng cáo, đào tạo, chi khác... Chi lương thường là khoản chi lớn nhất trong các khoản chi khác, và có xu hướng gia tăng. Đối với NHTM, trả lương cố định, chi lương, bảo hiểm tính theo đơn giá tiền lương và số lượng nhân viên ngân hàng. Đối với ngân hàng trả theo kết quả cuối cùng, tiền lương được tính dựa trên thu nhập ròng trước thuế, trước tiền lương sao cho đảm bảo ngân hàng bù đắp được chi phí khác ngoài lương. Phản ánh trong 100 đồng tổng tài sản có bao nhiêu đồng chi phí hoạt động.

Dư nợ cho vay trên tổng tài sản: Dư nợ cho vay được định nghĩa là một chỉ tiêu giúp phản ánh hiện NHTM còn cho vay bao nhiêu tại một thời điểm xác định nào đó. Đây cũng chính là khoản vay mà NHTM cần phải thu về, sẽ được tính theo thời điểm, nghĩa là số dư cuối kì thanh toán. Đây chính là tổng số tiền cho vay đối với khách hàng mà ngân hàng còn phải thu hồi tại một thời điểm.

Vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản (Hệ số tự tài trợ): Hệ số này phản ánh tỷ trọng nguồn vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản của NHTM. Để xác định mức độ phù hợp về tỷ lệ vốn chủ sở hữu trong nguồn vốn của NHTM sẽ phụ thuộc rất lớn vào hoạt động và chính sách của NHTM cũng như từng ngành. Tỷ số này cao chứng tỏ khả năng tự chủ tài chính của NHTM, nhưng cũng cho thấy NHTM chưa tận dụng đòn bẩy tài chính nhiều.

Môi trường kinh tế, chính trị, xã hội: Bất kỳ một sự biến động nào trong nền kinh tế đều có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động của NHTM. Nếu tình hình kinh tế, chính trị, xã hội ổn định thì tình hình sản xuất, kinh doanh của các cá nhân, doanh nghiệp sẽ diễn ra bình thường, hoạt động ngân hàng nhờ đó cũng diễn ra suôn sẻ. Khi nền kinh tế tăng trưởng nhanh, tình hình hoạt động kinh doanh thuận lợi, nhu cầu vay vốn tăng cao, khả năng hoàn trả cũng được đảm bảo nên các ngân hàng sẽ có điều kiện thuận lợi để mở rộng quy mô tín dụng, tăng khả năng sinh lời.

Môi trường pháp lý: Môi trường pháp lý đóng một vai trò rất quan trọng trong việc điều hành hoạt động của nền kinh tế, do đó nó cũng có ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả hoạt động của NHTM. Nếu một hệ thống luật pháp được xây dựng phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế và được chấp hành nghiêm chỉnh sẽ kích thích nền kinh tế vận hành ổn định, tác động tích cực lên quá trình sản xuất kinh doanh và qua đó làm gia tăng hiệu quả hoạt động của NHTM. Ngược lại, khi môi trường pháp lý chưa hoàn thiện, thường xuyên thay đổi thất thường sẽ khiến ngân hàng và các chủ thể khác không kịp thay đổi để thích nghi, do đó gây rủi ro, trở ngại cho các hoạt động của ngân hàng.

Lạm phát: Lạm phát tăng cao, NHNN phải thực hiện thắt chặt tiền tệ để giảm khối lượng tiền trong lưu thông, nhưng nhu cầu vay vốn của các doanh nghiệp và cá nhân kinh doanh vẫn rất lớn, các ngân hàng chỉ có thể đáp ứng cho một số ít khách hàng với những hợp đồng đã ký hoặc những dự án thực sự có hiệu quả, với mức độ rủi ro cho phép.

Lãi suất: NHTM là doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực tiền tệ, vì vậy, hoạt động kinh doanh của NHTM chịu sự tác động, chi phối mạnh

mẽ từ chính sách lãi suất. Với bất kỳ sự thay đổi nhỏ trong điều hành chính sách lãi suất, đều ảnh hưởng tới hoạt động của NHTM, sự thay đổi của lãi suất có thể tác động đến cả người gửi tiền và người vay vốn. Khi lãi suất giảm, một số người gửi tiền rút vốn khỏi NHTM để đầu tư vào nơi có tỷ suất sinh lợi cao hơn; còn những người đi vay tích cực tiếp cận các khoản tín dụng vì lãi suất đã thấp hơn trước. Những xu hướng của sự thay đổi lãi suất ảnh hưởng đến giá trị thị trường của các tài sản mà NHTM có thể đem bán để tăng thêm nguồn cung thanh khoản và trực tiếp ảnh hưởng đến chi phí vay mượn trên thị trường tiền tệ.

Tốc độ tăng trưởng GDP: Tốc độ tăng trưởng GDP là thước đo chính xác thực trạng hoạt động của nền kinh tế. Hiệu quả hoạt động của một NHTM là nhạy cảm với tốc độ tăng trưởng GDP thực tế. Như vậy về lý thuyết thì tốc độ tăng trưởng GDP và hiệu quả hoạt động của các NHTM có mối quan hệ trực tiếp và có thể thay đổi tùy thuộc vào điều kiện thị trường khác nhau.

2.2. Mô hình nghiên cứu nhân tố tác động đến khả năng sinh lời của các NHTM niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam

Để nhận dạng những nhân tố tác động đến khả năng sinh lời của các NHTM niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, tác giả sử dụng mô hình hồi quy tuyến tính đã được xây dựng trong nghiên cứu của Nguyễn Phạm Nhã Trúc và Nguyễn Phạm Thiên Thanh (2016). Mô hình nghiên cứu có dạng như sau:

$$Y_{it} = \beta_0 + \beta_1 X_{1t} + \beta_2 X_{2t} + \beta_3 X_{3t} + \beta_4 X_{4t} + \beta_5 X_{5t} + \beta_6 X_{6t} + \beta_7 X_{7t} + \beta_8 X_{8t} + \beta_9 X_{9t} + e_{it}$$

Trong đó: Biến phụ thuộc Y là lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA). Các biến độc lập lần lượt là Quy mô hoạt động của NHTM (X_1), Chi phí hoạt động (X_2), Cho vay (X_3), Vốn ngân hàng (X_4), Hình thức sở hữu của NHTM (X_5), Thời gian (X_6), Lạm phát (X_7), Tăng trưởng GDP (X_8) và Giao dịch thị trường chứng khoán (X_9). t biểu hiện số năm sử dụng trong nghiên cứu, từ 2016 đến 2019, i biểu hiện số NHTM sử dụng trong nghiên cứu và e_{it} là sai số ngẫu nhiên.

Mô hình nghiên cứu cụ thể như sau:

$$ROA = a_0 + a_1 \text{Quy mô} + a_2 \text{Chi phí hoạt động} + a_3 \text{Cho vay} + a_4 \text{Vốn ngân hàng} + a_5 \text{Hình thức sở hữu} + a_6 \text{Thời gian} + a_7 \text{Lạm phát} + a_8 \text{Tăng trưởng GDP} + a_9 \text{Giao dịch thị trường chứng khoán} + e \quad (1)$$

Trong đó:

ROA được tính bằng tỷ số giữa lợi nhuận sau thuế so với tổng tài sản của ngân hàng.

Quy mô được sử dụng để đo lường quy mô hoạt động mỗi NHTM. Biến này được tính bằng logarit cơ số tự nhiên của tổng tài sản của mỗi

NHTM. Biến này có giá trị càng lớn thì quy mô của ngân hàng càng lớn.

Chi phí hoạt động được đo lường bằng tỷ số chi phí hoạt động/tổng tài sản. Trong đó, chi phí hoạt động bao gồm tất cả các chi phí ngoại trừ chi phí cho lãi suất tiền gửi, ví dụ như chi phí cho nhân công, chi phí quảng cáo... Biến này thể hiện khả năng kiểm soát chi phí của các nhà quản trị NHTM. Tỷ số này càng cao thì thể hiện khả năng kiểm soát chi phí của NHTM càng thấp.

Cho vay được đo lường bằng tỷ số dư nợ vay/tổng tài sản. Trong đó, dư nợ cho vay bao gồm dư nợ cho vay cả ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. Đây chính là tổng số tiền cho vay đối với khách hàng mà ngân hàng còn phải thu hồi tại một thời điểm. Chỉ tiêu này thể hiện dư nợ cho vay chiếm bao nhiêu phần trăm trong tổng tài sản của ngân hàng.

Vốn ngân hàng được tính bằng tỷ số vốn chủ sở hữu/tổng tài sản. Vốn chủ sở hữu tuy chiếm tỷ trọng nhỏ nhưng lại đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong hoạt động của NHTM. Đây là nguồn vốn ổn định nhất và có xu hướng tăng trong quá trình hoạt động, có thể sử dụng với kỳ hạn dài mà không phải hoàn trả, do đó nó chính là nền tảng cho sự tăng trưởng bền vững của NHTM. Tỷ lệ Vốn ngân hàng cho thấy mức độ vốn an toàn của NHTM. Tỷ lệ này càng cao thì mức độ an toàn của ngân hàng càng cao và ngược lại.

Hình thức sở hữu của NHTM là biến giả, được gán giá trị 1 cho NHTM có vốn sở hữu nhà nước, giá trị 0 cho NHTM không có vốn sở hữu nhà nước. Biến này dùng để so sánh về khả năng sinh lời giữa NHTM có vốn sở hữu nhà nước và NHTM không có vốn sở hữu nhà nước.

Lạm phát được đo lường bằng chỉ số tăng giá tiêu dùng hàng năm tại Việt Nam.

Tăng trưởng GDP được đo lường bằng tốc độ tăng tổng sản phẩm quốc nội hàng năm. Tốc độ tăng trưởng GDP là thước đo chính xác thực trạng hoạt động của nền kinh tế. Hiệu quả hoạt động của một NHTM là nhạy cảm với tốc độ tăng trưởng GDP thực tế. Tốc độ tăng trưởng GDP và hiệu quả hoạt động của các NHTM có mối quan hệ trực tiếp và có thể thay đổi tùy thuộc vào điều kiện thị trường khác nhau.

Giao dịch thị trường chứng khoán được đo lường bằng tỷ số giữa giá trị giao dịch bình quân trên thị trường chứng khoán Việt Nam so với giá trị tổng sản phẩm quốc nội của Việt Nam hàng năm.

Thời gian được gán giá trị 1 cho năm 2016, 2 cho năm 2017, 3 cho năm 2018 và 4 cho năm 2019. Biến này dùng để điều tra xu hướng của ROA qua khoảng thời gian 2016 - 2019.

Mô hình hồi quy (1) được ước lượng bằng phương pháp hồi quy tuyến tính (ordinary least square) với phương sai chuẩn mạnh (robust standard errors) để kiểm soát ảnh hưởng của phương sai thay đổi (heteroskedasticity).

Bài nghiên cứu sử dụng số liệu về Quy mô hoạt động của NHTM, Chi phí hoạt động, dư nợ

cho vay, Vốn ngân hàng và Hình thức sở hữu của NHTM được thu thập từ các báo cáo tài chính đã được kiểm toán từ năm 2016 đến 2019 của 13 NHTM niêm yết trên TTCK Việt Nam (Bảng 1). Các số liệu Lạm phát và tăng trưởng GDP sử dụng là số liệu tính theo giá trị hiện tại, được công bố trong niên giám thống kê Việt Nam.

Bảng 1: Các NHTM niêm yết trên TTCK Việt Nam

TT	Tên NHTM	Mã chứng khoán	Ngày niêm yết	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Sở hữu nhà nước (%)	Sở hữu ngoài NN (%)
1	Sacombank	STB	12/07/2006	18.852,16	0,01	99,99
2	ACB	ACB	21/11/2006	16.627,37		100
3	SHB	SHB	20/04/2009	12.036,16		100
4	Vietcombank	VCB	30/06/2009	37.088,77	77,11	22,89
5	Vietinbank	CTG	16/07/2009	37.234,05	64,46	35,54
6	Eximbank	EIB	27/10/2009	12.355,23		100
7	NCB	NVB	13/09/2010	4.101,56		100
8	MBBank	MBB	01/11/2011	23.727,32		100
9	BIDV	BID	24/01/2014	34.187,15	95,28	4,72
10	VPBank	VPB	17/08/2017	25.299,68		100
11	HDBank	HDB	05/01/2018	9.810		100
12	TPBank	TPB	19/04/2018	8.565,89	6,09	93,91
13	Techcombank	TCB	04/06/2018	35.001,40		100

Nguồn: Vietstock.vn

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Mô tả thống kê dữ liệu các biến

Nghiên cứu sử dụng số liệu thu thập từ các báo cáo tài chính của 13 NHTM niêm yết trên TTCK Việt Nam từ năm 2016 đến 2019 được thu

thập từ báo cáo tài chính, với tổng số là 52 quan sát để xác định các nhân tố tác động đến khả năng sinh lời của các NHTM Việt Nam niêm yết trên TTCK giai đoạn 2016 - 2019.

Bảng 2: Mô tả thống kê dữ liệu các biến

Biến	Giá trị trung bình (Mean)	Độ lệch chuẩn (Std. Dev.)
Biến phụ thuộc		
ROA	1,0629	0,7755
Biến giải thích		
Quy mô	12,6787	0,8368
Chi phí hoạt động	0,0161	0,0076
Cho vay	0,6262	0,0912
Vốn ngân hàng	0,0919	0,1312
Hình thức sở hữu của NHTM	0,3846	0,4913
Lạm phát	3,6322	0,6914
Tăng trưởng GDP	6,7800	0,3473
Giao dịch thị trường chứng khoán	2,04E-06	2,17E-06
Thời gian	2,500	1,1289

Nguồn: Tính toán của tác giả

Bảng 2 thể hiện mô tả thống kê giá trị trung bình và độ lệch chuẩn của các biến được sử dụng trong nghiên cứu này trong giai đoạn 2016 - 2019. Kết quả cho thấy rằng 13 NHTM niêm yết trên TTCK Việt Nam có khả năng sinh lời trên tổng tài sản được đánh giá là tốt với ROA bình quân là 1,06%/năm. Điều đó thể hiện rằng cứ 100 đồng tổng tài sản bỏ ra, thì bình quân các NHTM niêm

yết trên sàn chứng khoán thu được bình quân là 1,06 đồng lợi nhuận sau thuế. Có sự khác biệt tương đối lớn về quy mô giữa các NHTM niêm yết trên TTCK Việt Nam. Chi phí hoạt động bình quân trên một đơn vị tài sản là 1,60%. Dư nợ cho vay bình quân chiếm 62,62% tổng tài sản của các NHTM niêm yết trên TTCK ở Việt Nam. Tỷ số vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản bình quân tại một

các NHTM niêm yết trên TTCK ở Việt Nam là 9,19%. Tỷ lệ lạm phát bình quân của Việt Nam trong khoảng thời gian 2016 đến 2019 là 3,63%/năm và tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội hàng năm bình quân là 6,78%. Doanh số giao dịch trên thị trường chứng khoán của các NHTM niêm yết trên TTCK ở Việt Nam bình quân chiếm 2,04% tổng sản phẩm quốc nội tại Việt Nam.

3.2. Đánh giá các yếu tố tác động đến khả năng sinh lời của các NHTM niêm yết trên TTCK Việt Nam

Bảng 3 trình bày tương ứng kết quả ước lượng mô hình hồi quy (1) để đánh giá tác động của các nhân tố thuộc về ngân hàng, ngành và kinh

tế vĩ mô đến ROA của các NHTM niêm yết trên TTCK Việt Nam. Sai số chuẩn thể hiện trong bảng 3 để đo lường biến động cho các biến sử dụng trong nghiên cứu. Nghiên cứu chỉ ra rằng, dữ liệu khá chính xác khi thể hiện sai số chuẩn có độ phân tán nhỏ. Nhìn vào hệ số hồi quy của từng biến trong bảng 3, nếu hệ số hồi quy có giá trị dương và có p - value $\leq 0,10$, ta kết luận biến đó có tác động tích cực đến ROA của ngân hàng. Nếu hệ số hồi quy có giá trị âm và có p - value $\leq 0,10$, ta kết luận biến đó có tác động tiêu cực đến ROA của ngân hàng. Nếu hệ số hồi quy của biến có p-value $> 0,10$, ta kết luận biến đó không có tác động rõ ràng đến ROA.

Bảng 3: Các nhân tố tác động đến Khả năng sinh lời của NHTM niêm yết trên TTCK

Biến phụ thuộc: ROA				
Biến giải thích	Hệ số hồi quy (Coefficient)	Sai số chuẩn (Std. Error)	t-Statistic	Xác suất (P- value)
Quy mô	0.7571***	0,0903	8,3835	0,0000
Chi phí hoạt động	68,4025***	5,8291	11,7347	0,0000
Cho vay	-4,4114***	0,6807	-6,4808	0,0000
Vốn ngân hàng	-0,4044***	0,1435	-2,8189	0,0073
Hình thức sở hữu của NHTM	-0,9504***	0,0663	-4,3273	0,0000
Lạm phát	0,1739**	0,0819	0,1228	0,0397
Tăng trưởng GDP	0,2432	0,1679	1,4440	0,1550
Giao dịch TTCK	-48900,88***	17402,78	-2,8099	0,0075
Thời gian	0,1644***	0,0184	8,9531	0,0000
C	-9,0104***	1,9397	-4,6934	0,0000
R- Squared	0,8253			
R ² điều chỉnh	0,7878			
F-Statistic	22,0419			
Tổng số quan sát	52			

Ghi chú: ***: p-value < 0,01; **: p-value < 0,05; *: p-value < 0,10

Để đảm bảo hoạt động, NHTM sử dụng đồng thời nhiều nguồn vốn khác nhau như vốn huy động, vốn vay, vốn chủ sở hữu ... để đầu tư cho các tài sản của ngân hàng. Hệ số biến Quy mô cho thấy yếu tố quy mô tác động tích cực đến cả ROA của các NHTM niêm yết trên TTCK Việt Nam. Với điều kiện các yếu tố khác không đổi, nếu quy mô hoạt động của NHTM niêm yết trên TTCNH Việt Nam tăng thêm 1% sẽ tác động làm cho khả năng sinh lời trên tổng tài sản (ROA) tăng thêm 0,75%. Nguyên nhân là do NHTM tận dụng được cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, nhân lực có sẵn,... nên việc gia tăng tổng tài sản làm giảm chi phí trung bình cho một đơn vị tài sản và sau đó làm tăng lợi nhuận của ngân hàng.

Nguồn: Tính toán của tác giả

Hệ số biến Chi phí hoạt động cho thấy chi phí hoạt động tăng làm tăng khả năng sinh lời của các NHTM. Với điều kiện các yếu tố khác không đổi, nếu tỷ lệ chi phí hoạt động/tổng tài sản của NHTM niêm yết trên TTCNH Việt Nam tăng thêm 1% sẽ tác động làm cho khả năng sinh lời trên tổng tài sản (ROA) tăng thêm 68,4%. Theo số liệu thống kê trên Bảng 2, chi phí hoạt động bình quân trên một đơn vị tài sản của các NHTM niêm yết trên TTCNH Việt Nam là 1,60%, khá là thấp so với tỷ lệ trung bình của ngành. Điều này có thể giải thích là các NHTM niêm yết trên TTCK Việt Nam đã chi tiêu một cách có hiệu quả, các khoản chi tiêu hoạt động này tạo ra sự gia tăng doanh thu vượt hơn sự gia tăng chi phí, kết quả là lợi nhuận ngân hàng tăng nên ROA được cải thiện.

Hệ số biến *Cho vay* cho thấy một sự gia tăng tỷ số cho vay / tổng tài sản có tác động ngược chiều tới ROA. Với điều kiện các yếu tố khác không đổi, nếu tỷ lệ dư nợ cho vay trên tổng tài sản của NHTM niêm yết trên TTCK Việt Nam tăng thêm 1% sẽ tác động làm cho khả năng sinh lời trên tổng tài sản (ROA) giảm đi 4,4%. Theo số liệu thống kê trên Bảng 1, dư nợ cho vay bình quân đã chiếm 62,62% tổng tài sản của các NHTM niêm yết trên TTCK ở Việt Nam. Nếu các NHTM niêm yết trên TTCK Việt Nam tiếp tục mở rộng quy mô hoạt động bằng cách gia tăng doanh số cho vay quá nhiều dẫn đến chất lượng các khoản tín dụng không tốt, không ổn định và sẽ làm cho khả năng sinh lợi nhuận của NHTM không cao.

Hệ số biến *Vốn ngân hàng* cho thấy một sự gia tăng vốn ngân hàng dẫn đến sự suy giảm về ROA. Khi các yếu tố khác không đổi, tăng vốn chủ sở hữu của ngân hàng lên 1% thì ROA giảm 0,4%. Do Vốn chủ sở hữu chủ yếu dùng để xây dựng cơ sở vật chất, nhà xưởng, mua máy móc thiết bị, trả lương cho người lao động... mà ít được dùng vào đầu tư, sản xuất kinh doanh nên vốn chủ sở hữu ít tạo ra được lợi nhuận, điều này làm cho khả năng sinh lời của NHTM giảm. Hơn nữa, khi NHTM gia tăng vốn chủ sở hữu nhưng tốc độ gia tăng lợi nhuận không theo kịp tốc độ gia tăng vốn chủ sở hữu, dẫn đến lợi nhuận trên một đồng vốn giảm.

Hệ số biến giả *Hình thức sở hữu của NHTM* cho thấy nhóm NHTM có vốn sở hữu của nhà nước có khả năng sinh lời thấp hơn nhóm NHTM không có vốn sở hữu nhà nước. Vốn của NHTM không có vốn sở hữu nhà nước thường là vốn huy động từ bên ngoài nên áp lực trả nợ, giảm chi phí và tăng lợi nhuận là rất lớn. Do đó, các NHTM không có vốn sở hữu nhà nước luôn phải hoạt động kinh doanh một cách có hiệu quả để đem lại lợi nhuận tối đa và rủi ro tối thiểu. Nhóm NHTM có vốn sở hữu của nhà nước là nhóm có nguồn vốn chủ sở hữu cao nên thường ít bị áp lực trong việc thanh toán các khoản nợ, là nguyên nhân khiến cho nhóm này có khả năng sinh lời thấp hơn.

Hệ số biến *Lạm phát* cho thấy lạm phát có tác động cùng chiều đến ROA. Lạm phát là một trong những yếu tố có tác động tích cực lẫn tiêu cực tới tốc độ tăng trưởng kinh tế thông qua nhiều kênh khác nhau với mức độ ảnh hưởng tổng thể khác nhau. Nguyên nhân làm cho lạm phát có tác động cùng chiều với ROA là do trong giai đoạn 2016 – 2019 lạm phát giảm liên tục giúp tăng trưởng kinh tế thông qua khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư, huy động vốn. Điều này làm tăng trưởng cho vay, tăng tỷ lệ tiền gửi cũng như chứng khoán đầu tư làm cho lợi nhuận của các ngân hàng tăng lên.

Hệ số biến *Tăng trưởng GDP* cho thấy tăng trưởng GDP có ảnh hưởng không rõ ràng đến khả năng sinh lời của ngân hàng. Trong năm 2016 - 2019 sự tăng trưởng GDP không gây ra tác động đáng kể đến lợi nhuận của ngân hàng. Mối quan hệ giữa GDP và lợi nhuận của ngân hàng có thể thay đổi tùy thuộc vào điều kiện thị trường khác nhau.

Hệ số biến *Giao dịch thị trường chứng khoán* cho thấy khi số giao dịch của các NHTM niêm yết trên TTCK Việt Nam gia tăng có tác động cùng chiều với ROA. Điều này có thể giải thích rằng khi các NHTM niêm yết trên TTCK Việt Nam gia tăng giao dịch, ngân hàng có thể gia tăng cho vay các khách hàng đầu tư chứng khoán. Ngoài ra, ngân hàng cũng có thể thu được phí từ các dịch vụ cung cấp liên quan đến chứng khoán. Tất cả những điều này dẫn đến sự gia tăng doanh thu của ngân hàng, giúp ngân hàng cải thiện được ROA.

Hệ số biến *Thời gian* cho thấy qua thời gian ROA đều có xu hướng tăng từ năm 2016 - 2019. Nguyên nhân của xu hướng này do trong giai đoạn 2016 - 2019 nền kinh tế đang có xu hướng phát triển, cơ cấu kinh tế đang chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa. NHNN đã điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, góp phần hỗ trợ tăng trưởng kinh tế; thanh khoản của tổ chức tín dụng được đảm bảo và có dư thừa, thị trường tiền tệ, ngoại hối ổn định, thông suốt. Do đó, các ngân hàng hoạt động kinh doanh có hiệu quả, tạo ra lợi nhuận cao cho thấy thời gian là biến có tác động cùng chiều đến ROA.

4. Kết luận và khuyến nghị giải pháp

Khả năng sinh lời là thước đo quan trọng để đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của NHTM. Nhà quản lý NHTM luôn tìm mọi cách không ngừng gia tăng khả năng sinh lời để mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và gia tăng thu nhập cho các cổ đông nhờ mức chi trả cổ tức cao. Điều này càng làm cho giá trị cổ phiếu của ngân hàng trên thị trường càng tăng, thương hiệu và uy tín của ngân hàng ngày càng được phổ biến. Gia tăng khả năng sinh lời còn là điều kiện để nâng cao phúc lợi và khen thưởng cho người lao động, làm cho người lao động gắn bó với nơi làm việc, giúp ổn định nhân sự và tổ chức.

Năm 2019, các NHTM niêm yết trên TTCK Việt Nam tiếp tục ghi dấu với xã hội bằng việc tăng giá trị của tổng tài sản, nguồn vốn huy động, dư nợ tín dụng, lợi nhuận sau thuế và hệ số chỉ tiêu sinh lợi ROE và ROA. Nghiên cứu này nhằm phát hiện ra các yếu tố tác động đến khả năng sinh lời

của các NHTM cổ phần niêm yết trên TTCK Việt Nam thông qua sử dụng mô hình hồi quy tuyến tính trong giai đoạn 2016-2019. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng quy mô ngân hàng, chi phí hoạt động của các NHTM, lạm phát vừa phải và tăng trưởng kinh tế của một quốc gia là những yếu tố có tác động tích cực đến khả năng sinh lời của các NHTM niêm yết trên TTCK Việt Nam. Phát hiện này phù hợp với những nghiên cứu trước đó đối với NHTM tại các nước đang phát triển (Jafari, 2014; Sufian and Habibullah, 2010; Osuagwu, 2014; Hồ Thị Hồng Minh và Nguyễn Thị Cành, 2015; Nguyễn Phạm Nhã Trúc và Nguyễn Phạm Thiên Thanh, 2016). Hơn nữa, nghiên cứu chỉ ra rằng ROA thể hiện xu hướng tăng trưởng trong khoảng thời gian 2016-2019 và NHTM không có vốn sở hữu nhà nước có khả năng sinh lời tốt hơn NHTM có vốn sở hữu của nhà nước. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng cho thấy quy mô cho vay và vốn ngân hàng có tác động tiêu cực đến ROA trong giai đoạn nghiên cứu.

Để nâng cao khả năng sinh lời nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của các NHTM đang niêm yết trên TTCK trong thời gian tới, các NHTM có thể thực hiện một số giải pháp như sau:

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Báo cáo tài chính hợp nhất của năm 2016, 2017, 2018 và 2019 của 13 NHTM niêm yết trên TTCK Việt Nam.
- [2]. Jafari, M.K and Alchami, M. (2014). Determinants of Bank Profitability: Evidence from Syria. *Journal of Applied Finance & Banking*, 4(1), 1-2
- [3]. Osuagwu, E.S. (2014). Determinants of Bank Profitability in Nigeria. *International Journal of Economics and Finance*, 6(12), 46 - 64.
- [4]. Sufian, F. (2009). Determinants of Bank Profitability in a Developing Economy: Empirical Evidence from the China Banking Sector. *Journal of Asia-Pacific Business*, 10(4), 281-307.
- [5]. Sufian, F. and Habibullah, M.S. (2009). Determinants of banks' profitability in a developing economy: Empirical evidence from Bangladesh. *Journal of Business Economics and Management*, 10(3), 207-217.
- [6]. Topak, M.S. and Talu, N.H. (2016). Internal Determinants Of Bank Profitability: Evidence From Turkish Banking Sector. *International Journal of Economic Performance Management*, 65 (8), 1057 - 1074.
- [7]. Hồ Thị Hồng Minh và Nguyễn Thị Cành. (2015). Đa dạng hóa thu nhập và yếu tố tác động đến khả năng sinh lời các NHTM Việt Nam. *Tạp chí Công nghệ Ngân hàng*, 106+107, 13-24.
- [8]. Nguyễn Phạm Nhã Trúc & Nguyễn Phạm Thiên Thanh. (2016). Các nhân tố tác động đến khả năng sinh lời hệ thống NHTM tại Việt Nam. *Kinh tế và Phát triển*, 228 (6/2016), 52-60.
- [9]. Nguyễn Minh Kiều. (2012). *Nghiệp vụ ngân hàng hiện đại*. Nhà xuất bản Lao động Xã hội.
- [10]. Website <https://vietstock.vn/> (Tin tức và dữ liệu kinh tế, tài chính, chứng khoán Việt Nam, Lào, Campuchia và quốc tế.)

Thông tin tác giả:

1. Hoàng Thị Thu

- Đơn vị công tác: Trường ĐH Kinh tế & QTKD Thái Nguyên

- Địa chỉ email: thuhtm@yahoo.com

Ngày nhận bài: 06/09/2020

Ngày nhận bản sửa: 25/09/2020

Ngày duyệt đăng: 30/09/2020